

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Ngọc Thịnh.

2/. Ông Huỳnh Khởi.

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1964

HKTT: ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị đơn*: Nguyễn Văn R, sinh năm 1963

HKTT: ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày: Vào năm 1984, bà với ông Nguyễn Văn R có hai con chung là chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Hà N, sinh năm 1988, tất cả đã trưởng thành Ran tự nguyện chung sống với nhau. Quá trình chung sống ông, bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông R không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chửi mắng bà. Nay nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên bà yêu

cầu ly hôn với ông R, các con đã trưởng thành, phát triển bình thường, về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn R đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Ông Nguyễn Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bà S yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông R nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông R.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, năm 1984 bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Văn R tự nguyện chung sống với nhau. Mặc dù cho đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn nhưng đây thuộc trường hợp hôn nhân thực tế. Vì vậy, hôn nhân của ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà S cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông R không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chửi bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông R. Thấy rằng: Hôn nhân giữa bà S và ông R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã không còn chung sống với nhau thời gian dài nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tại phiên tòa bà S cương quyết xin ly hôn với ông R. Ông R không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, cho bà và ông R được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Bà S và ông R có hai người con chung là chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Hà N, sinh năm 1988, tất cả đã trưởng thành. Bà S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

2/. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Văn R có hai người con chung là chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Hà N, sinh năm 1988, tất cả đã trưởng thành, bà S không yêu cầu giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006698 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà S đã nộp đủ tiền án phí. Ông Nguyễn Văn R không phải chịu án phí.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm